TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 18-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Kim Nhập.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Võ Văn Liềm.

- Th2 ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Th2 ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Th1** – sinh năm 1980, tại G, K.

Nơi cư trú: Ấp Kh, xã Th1, huyện G, tỉnh K; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th3, sinh năm 1940 và bà Huỳnh Kim A (đã chết); chồng Phạm Thanh T, sinh năm 1980 (đã ly hôn), bị cáo có 02 con sinh năm 2009 và 2010;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/10/2019 đến nay. Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Chí C –** sinh năm 1991, tại G, K.

Nơi cư trú: Ấp Th2, xã Th1, huyện G, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 và bà Lê Thị H, sinh năm 1962; vợ Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1993, bị cáo có 02 người con sinh năm 2012 và 2014;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/10/2019 đến nay. Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Lưu Thị Th2 –** sinh năm 1988, tại G, K.

Nơi cư trú: Ấp Kh, xã Th1, huyện G, tỉnh K; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn Kh, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1999; chồng Dương Văn T, sinh năm 1983, bị cáo có 02 người con sinh năm 2006 và 2013;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/10/2019 đến nay. Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Người làm chứng***:

1/- Trần Thanh Th4 – sinh năm 1981.

2/- Trần Tấn X – sinh năm 1985.

Cùng nơi cư trú: Ấp Kh, xã Th1, huyện G, tỉnh K.

(*Chị Thảo, anh Xuyên vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Quao tiếp nhận hồ sơ từ Công an xã Th1 vụ "Đánh bạc" xảy ra ngày 19/9/2019 tại ấp Kh, xã Th1, huyện G, tỉnh K. Nội dung Lưu Thị Th2 trình báo vào ngày 19/9/2019 Th2có mua số đề của Nguyễn Thị Th1 dùm cho Nguyễn Chí C, mua số lô 2 con và lô 3 con đài An Giang với tổng số tiền là 18.150.000đ, trong đó có mua con số lô 2 con là số 64 với số tiền là 100.000đ trúng được 2 lô được 16.000.000đ và số lô 3 con là số 215 với số tiền là 50.000đ và trúng được 30.000.000đ. Tổng tiền trúng là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) nhưng Nguyễn Thị Th1 cho rằng chỉ bán số đề cho Th2 số tiền tổng cộng là 17.400.000đ, Th1 không thừa nhận có bán lô số 215 cho Th2 và không đồng ý trả tiền trúng thêm 30.000.000đ, từ đó xảy ra cự cải nên Th2 trình báo sự việc đến Công an xã Th1.

Trong quá trình điều tra đã xác định được do thấy việc bán số đề có lợi nhuận cao nên Nguyễn Thị Th1 bắt đầu tham gia bán và tự làm thầu đề tính đến ngày 19/9/2019 được khoảng 10 ngày liên tục, Th1 tham gia bán các số lô, số đề các đài xổ số địa phương chủ yếu là đài Miền Nam (các trong ngày trong tuần) dưới các hình thức số đầu, lô 2 con, lô 3 con. Hình thức ăn thua số đầu người mua 1.000đ trúng 80.000đ; lô 2 con người mua 1.000đ/1 lô thì phải trả cho Th1 15.000đ và trúng 80.000đ; lô 3 con số người mua 1.000đ/1 lô thì phải trả cho Th1 15.000đ và trúng 600.000đ. Hàng ngày Th1ghi bán các số lô, số đề tại nhà ở của mình, bán qua điện thoại di động dưới hình thức người mua điện thoại trực tiếp cho Th1 để mua và không ra lai. Khi bán số đề Th1ghi các con số, số tiền mua và đài mua vào 01 tờ lịch có trong nhà, do số lượng mua ít các con số nên Th1 không có tổng hợp phơi đề mà xem tờ lịch để đối chiếu kết quả trong ngày, xong tiêu hủy tờ lịch bằng cách ném vào sọt rác mang đi đổ.

Vào khoảng 15 giờ ngày 19/9/2019, Th2 và C thỏa thuận, thống nhất với nhau mua các số lô, số đề của Thảo, Th2 đưa điện thoại của Th2 cho C soạn tin nhắn SMS, trong tin nhắn C soạn có đài mua, con số và số tiền mua, C soạn xong thì Th2 bấm gửi đi cho Th1để mua số đề, sau khi bấm gửi tin nhắn xong thì Th2 điện thoại cho Th1hỏi Th1nhận được tin nhắn chưa thì "*Thảo trả lời nhận được rồi*". *Th2* và C tham gia đánh bạc Đài An Giang cụ thể: Lô 2 con có 7 lô số được mua gồm các lô số 94-200.000đ, lô số 46-100.000đ, lô số 63-100.000đ, lô số 01-400.000đ, lô số 64-100.000đ, lô số 25-100.000đ, lô số 55-50.000đ, tổng số tiền mua là: 1.050.000đ x 15 = 15.750.000đ; Lô 3 con có tất cả 4 lô số được mua gồm các lô số 525-30.000đ, lô số 973-30.000đ, lô số 501-50.000đ, số 215 - 50.000đ, tổng số tiền mua là: 160.000đ x 15 = 2.400.000đ. Tổng cộng là 18.150.000đ.

Đến khoảng hơn 16 giờ 30 phút cùng ngày Th2 và C đối chiếu kết quả xổ số đài An Giang, xác định các số lô, số đề mà Th2 và C đã mua từ Th1có các lô số sau đã trúng thưởng: lô 2 con số "64" trúng 100.000đ x 2lô x 80 =16.000.000đ và số lô 3 con trúng con số "215" mua 50.000đ trúng được 1 lô là 50.000đ x 600.000 = 30.000.000đ. Tuy nhiên, Th1chỉ thừa nhận có bán các con số lô, số đề cho Th2 qua điện thoại Th2 gọi trực tiếp cho Th1chứ không có bán qua tin nhắn SMS. Th1không thừa nhận có bán lô số 3 con là lô số "215" cho Th2 nên không chịu trả cho Th2 số tiền trúng thưởng là 30.000.000đ. Th1thừa nhận đã thực hiện hành vi đánh bạc cùng với Th2 với số tiền mua là 17.400.000đ (tiền mua, bán) và số tiền trúng thưởng trong ngày là 16.000.000đ nên Th1cho rằng Th2 còn nợ lại Th11.400.000đ. Do hai bên xảy ra cự cải nên số tiền này chưa chung chi cho nhau.

Kết quả điều tra khai thác, mở rộng Cơ quan điều tra đã chứng minh Th2, Th1, C còn thực hiện hành vi đánh bạc Đài Cần Thơ vào ngày 18/9/2019 cụ thể: Lô 2 con có 02 lô số được mua gồm các lô số 15-200.000đ, lô số 11-200.000đ, tổng số tiền mua là: 400.000đ x 15 = 6.000.000đ; Lô 3 con có tất cả 03 lô số được mua gồm lô số 215-80.000đ, lô số 641-50.000đ, lô số 846-100.000đ, tổng số tiền mua là: 230.000đ x 15 = 3.450.000đ. Tổng cộng là 9.450.000đ.

Qua kết quả đối chiếu kết quả xổ số đài Cần Thơ ngày 18/9/2019 xác định các số lô, số đề mà Th2 và C đã mua từ Th1có lô số 2 con là số "11" đã trúng thưởng 200.000đ x 80 =16.000.000đ. Như vậy, Th1bán được 9.450.000đ và Th2 trúng số trong ngày là 16.000.000đ, trừ lại tiền mua trong ngày nên Th1trả tiền cho Th2 số tiền 6.550.000đ. Th2 lấy tiền và mang về giao lại cho C, sau đó C cho lại Th2 số tiền 250.000đ còn C giữ lại số tiền 6.300.000đ tiêu xài.

Vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Côngan thu giữ: Một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 prime màu hồng, số Imei: 355228083084648/01, bên trong có gắn sim số 0845823852, máy đã qua sử dụng; một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, số Imei: 865720044153713, bên trong có gắn sim số 0329149647, máy đã qua sử dụng.

Tiền Việt Nam: Số tiền 250.000đ (Hai trăm năm chục ngàn đồng) của Lưu Thị Th2; số tiền 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng) của Nguyễn Chí C và 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng) của Nguyễn Thị Th1.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSND-GQ ngày 03/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Chí C và Lưu Thị Th2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền Công tố phát biểu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Chí C và Lưu Thị Th2. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Chí C và Lưu Thị Th2 phạm tội "Đánh bạc" và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th1 từ 30.000.000đ – 40.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C từ 30.000.000đ – 40.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 của BLHS. Xử phạt bị cáo Lưu Thị Th2 từ 20.000.000đ – 25.000.000đ.

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Đề nghị HĐXX tịch thu sung C quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 prime màu hồng, số Imei: 355228083084648/01, bên trong có gắn sim số 0845823852, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, số Imei: 865720044153713, bên trong có gắn sim số 0329149647, máy đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội mà Nguyễn Thị Th1 và Lưu Thị Th2 sử dụng để mua bán số đề với nhau.

Tịch thu sung Công quỹ đối với Nguyễn Thị Th1 số tiền 18.800.000đ (Mười tám triệu tám trăm ngàn đồng), Nguyễn Chí C số tiền 23.700.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng) và Lưu Thị Th2 số tiền 250.000đ (Hai trăm năm chục ngàn đồng). Số tiền trên các bị cáo Thảo, C và Th2 đã thu lợi bất chính từ việc đánh bạc và sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Kê biên bảo thủ thi hành án số tiền 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng) của Nguyễn Thị Th1; số tiền 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng) của Nguyễn Chí C; và số tiền 250.000đ (Hai trăm năm chục ngàn đồng) của Lưu Thị Th2.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng, cả ba bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an huyện Gò Quao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

Người làm chứng chị Trần Thanh Th4, anh Trần Tấn X vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người làm chứng là phù hợp theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị Th1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi bán số đề của mình. Do nhận thấy việc bán số đề mang lại lợi nhuận cao nên bị cáo bắt đầu thực hiện hành vi bán số đề và tự làm thầu, hàng ngày bị cáo bán số đề tại nhà nơi bán tạp hóa, người mua gặp trực tiếp bị cáo mua hoặc liên lạc mua qua điện thoại và không ra lai. Bị cáo bán số đề dưới các hình thức: số đầu, số đuôi, bao lô 2 con, bao lô 3 con các đài trong tuần, không bán đài Hà Nội. Tính đến trước ngày 18/9/2019 bị cáo bán số đề được 8 ngày, ngày bán thấp nhất 200.000đ và cao nhất 1.000.000đ thu lợi bất chính mỗi ngày từ 200.000đ đến 500.000đ. Th1cho rằng ngày 19/9/2019 chỉ bán số đề cho Th2 và C tổng cộng số tiền là 17.400.000đ và số tiền trúng thưởng trong ngày là 16.000.000đ nên Th2 còn nợ lại Th11.400.000đ. Th1không thừa nhận có bán 50.000đ lô số ba con là số 215 với số tiền trúng là 30.000.000đ nên xảy ra cự cải với Th2 và Th2 trình báo Công an xã Th1 nên số tiền trên bị cáo và C, Th2 chưa giao nhận cho nhau. Còn ngày 18/9/2019 bị cáo bán cho Th2 và C tổng cộng số tiền là 9.450.000đ, trúng thưởng được 16.000.000đ, sau khi khấu trừ bị cáo đã giao cho Th2 và C số tiền 6.550.000đ.

Bị cáo Nguyễn Chí C khai bị cáo đi làm ở Củ Chi mới về quê chơi không biết ai bán số đề nên bị cáo hỏi Th2 thì biết được Th1bán số đề nên nhờ Th2 mua số đề dùm. Những lần mua số C và Th2 đều uống cà phê tại quán cà phê Anh Kiệt ở Tắc Cậu. Khi mua số đề thì Th2 đưa điện thoại của Th2 cho bị cáo tự soạn tin nhắn những con số và số tiền, soạn xong bị cáo đưa lại cho Th2 kiểm tra lại và gửi cho Th1. Ngày 18/9/2019 đúng như Th1 khai, bị cáo mua số đề với số tiền 9.450.000đ và trúng thưởng được 16.000.000đ, sau khi khấu trừ Th2 đã nhận tiền và giao lại cho bị cáo số tiền 6.550.000đ, bị cáo đã cho Th2 250.000đ còn lại bị cáo giữ để tiêu xài. Riêng ngày 19/9/2019 bị cáo mua số đề của Th1tổng cộng số tiền là 18.150.000đ và đã trúng thưởng được 46.000.000đ

nhưng Th1 không thừa nhận có bán 50.000đ con số lô 3 con "215" cho Th2 nên không chịu chung tiền trúng thưởng là 30.000.000đ. Do khi bị cáo nhờ Th2 mua số đề ngoài mua cho mình bị cáo còn mua dùm cho vài người bạn, vì vậy khi xổ số biết trúng thưởng bị cáo phải giao tiền trúng thưởng lại cho bạn nên bị cáo yêu cầu Th2 phải chịu trách nhiệm đối với số tiền trúng thưởng là 30.000.000đ từ đó xảy ra cự cải.

Bị cáo Lưu Thị Th2 khai do chổ quen biết và bạn bè với C nên khi C hỏi có biết ai bán số đề chắc ăn không mua dùm, chiều xổ số xong thì tính luôn nên Th2 nhận lời mua dùm, con số và số tiền thì do C soạn trên tin nhắn điện thoại của Th2 sau đó Th2 gửi cho Th1, gửi xong có gọi điện thoại cho Th1 hỏi lại có nhận được chưa, Th1 nói nhận được rồi, bị cáo còn yêu cầu Th1 gửi tin nhắn lại xác nhận nhưng Th1 nói điện thoại hết tiền không nhắn tin lại được nên Th1 có nhắn tin qua zalo "Ok". Nhưng sau khi đối chiếu kết quả xổ số thì Th1 cho rằng không có bán con số 215 và yêu cầu Th2 phải trả ngược lại cho Th1 thêm 1.400.000đ, còn C yêu cầu bị cáo phải giao số tiền trúng thưởng là 30.000.000đ nên buộc lòng bị cáo trình báo Công an dù biết rõ hành vi mua bán số đề là vi phạm pháp luật.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với nội dung bản Cáo trạng số 05/CT-VKSND-GQ ngày 03/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được đối chiếu C khai tại phiên tòa xác định bị cáo Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Chí C và Lưu Thị Th2 thực hiện hành vi mua bán số đề với nhau trong ngày 19/9/2019 là 17.400.000đ; Số tiền Th1bán số đề cho Th2 và C trong ngày 18/9/2019 là 9.450.000đ, trúng thưởng là 16.000.000đ, như vậy số tiền Th1, C và Th2 dùng đánh bạc với nhau trong ngày 18/9/2019 là 25.450.000đ. Hành vi mua bán lô đề ăn thua bằng tiền trái phép này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", số tiền dùng để đánh bạc có giá trị trên năm triệu đồng và dưới năm mươi triệu đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 231 BLHS nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm xâm hại trực tiếp đến trật tự, an toàn C cộng cũng như ảnh hưởng đến hoạt động quản lý hành chính tại địa phương.

Các bị cáo là những người C dân có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi, các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc, đánh đề là một trong những tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm và ngăn chặn triệt để trong đời sống xã hội thế nhưng các bị cáo bất chấp quy định của Nhà nước các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm cho nên cần phải áp dụng cho các bị cáo một mức án tương ứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung ngoài xã hội.

Về tính chất của vụ án HĐXX xét thấy đây là vụ án ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn, vì vậy tính chất, mức độ của các bị cáo là như nhau. Tuy nhiên, bị cáo Th1 có vai trò chính khi là người trực tiếp ghi và bán lô đề, giữ vai trò chủ thầu đề. Còn bị cáo C và Th2 tham gia mua số đề của bị cáo Th1 nên xem xét với vai trò là đồng phạm. Vì vậy, bị cáo Th1 phải chịu mức án cao hơn so với bị cáo C và Th2 là phù hợp.

[5] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có 2 ngày bán, mua số đề với mức trên 5 triệu đồng nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về định tội danh, khung hình phạt cũng như áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu sung Công quỹ Nhà nước số tiền Nguyễn Thị Th1 thu lợi bất chính trong thời gian 8 ngày bán số đề là 2.800.000đ và số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc ngày 19/9/2019 là 16.000.000đ, tổng cộng là 18.800.000đ; Tịch thu số tiền Nguyễn Chí C đánh bạc vào ngày 19/9/2019 là 17.400.000đ và số tiền thu lợi bất chính từ việc trúng số đề vào ngày 18/9/2019 là 6.300.000đ, tổng cộng là 23.700.000đ; Tịch thu số tiền Lưu Thị Th2 thu lợi bất chính từ việc mua số đề dùm Nguyễn Chí C là 250.000đ.

Tịch thu sung Công quỹ Nhà nước C cụ phương tiện phạm tội mà Nguyễn Thị Th1 và Lưu Thị Th2 sử dụng để mua bán số đề với nhau gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 prime màu hồng, số Imei: 355228083084648/01, bên trong có gắn sim số 0845823852, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, số Imei: 865720044153713, bên trong có gắn sim số 0329149647, máy đã qua sử dụng.

Kê biên bảo thủ thi hành án số tiền 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng) của Nguyễn Thị Th1; số tiền 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng) của Nguyễn Chí C; và số tiền 250.000đ (Hai trăm năm chục ngàn đồng) của Lưu Thị Th2.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Chí C và Lưu Thị Th2 phạm tội "*Đánh bạc*".

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Th1 số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí C số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS

Xử phạt: Bị cáo Lưu Thị Th2 số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

*** Về biện pháp tư pháp**: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu sung Công quỹ Nhà nước số tiền Nguyễn Thị Th1 thu lợi bất chính trong thời gian 8 ngày bán số đề là 2.800.000đ và số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc ngày 19/9/2019 là 16.000.000đ, tổng cộng là 18.800.000đ (*Mười tám triệu, tám trăm ngàn đồng*); Tịch thu số tiền Nguyễn Chí C đánh bạc vào ngày 19/9/2019 là 17.400.000đ và số tiền thu lợi bất chính từ việc trúng số đề vào ngày 18/9/2019 là 6.300.000đ, tổng cộng là 23.700.000đ (*Hai mươi ba triệu, bảy trăm ngàn đồng*); Tịch thu số tiền Lưu Thị Th2 thu lợi bất chính từ việc mua số đề dùm Nguyễn Chí C là 250.000đ (*Hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tịch thu sung C quỹ Nhà nước C cụ, phương tiện phạm tội mà Nguyễn Thị Th1 và Lưu Thị Th2 sử dụng để mua bán số đề với nhau gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 prime màu hồng, số Imei: 355228083084648/01, bên trong có gắn sim số 0845823852, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, số Imei: 865720044153713, bên trong có gắn sim số 0329149647, máy đã qua sử dụng.

Kê biên bảo thủ thi hành án số tiền 2.800.000đ (*Hai triệu, tám trăm nghìn đồng*) của Nguyễn Thị Th1; số tiền 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm ngàn đồng*) của Nguyễn Chí C; và số tiền 250.000đ (Hai trăm năm chục ngàn đồng) của Lưu Thị Th2.

(*Vật chứng của vụ án đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKSND-GQ ngày 03/01/2020 Của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao)*.

*** Về án phí**: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử buộc các bị cáo Nguyễn Thị Th1, Nguyễn Chí C và Lưu Thị Th2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

* **Quyền kháng cáo**: Báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/02/2020.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Quao;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện Gò Quao;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Gò Quao;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh KG;
- Sở Tư Pháp tỉnh Kiên Giang;
- Các bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập